

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 19-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhạn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phùng Ngọc Anh;

Ông Nguyễn Văn T.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 732/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 776/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

Chị H xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Văn T do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không tu chí, chơi bời sử dụng ma túy mặc dù anh T đã được gia đình cho đi cai nghiện tự nguyện nhưng không thay đổi. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, chị xin phép bố mẹ anh T về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng ở từ tháng 10 năm 2021 và sống ly thân với anh T từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị H trình bày chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015. Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, chị H đề nghị được nuôi con Nguyễn Đức T, chị nhường anh T nuôi con Nguyễn Gia B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị đề nghị được nuôi 02 con vì chị không yên tâm giao con cho anh T nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Bùi Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn T không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con Nguyễn Gia B, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 cho chị H nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn T. Anh T có nơi cư trú tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ anh T tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy mặc dù đã được gia đình cho đi cai nghiện tự nguyện nhưng không thay đổi, cuộc sống giữa chị H và anh T mâu thuẫn căng thẳng, chị H đưa 01 con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng ở hẳn và sống ly thân với anh T từ tháng 10 năm 2021 đến nay, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã trực tiếp tổng đạt giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T nhưng anh không hợp tác, không ký nhận biên bản và không có ý kiến gì. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015. Tại phiên tòa chị H đề nghị nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con. Cháu B và cháu T đều trên 7 tuổi, cháu B có đơn đề nghị ở với anh T, cháu T có đơn đề nghị ở với chị H. Chị H hiện có nơi ở ổn định cùng với bố mẹ và chị có công việc, có thu nhập đảm bảo nuôi các con. Tuy nhiên cháu B có ý kiến ở với anh T nhưng anh T mắc nghiện ma túy hiện công việc không ổn định và anh không có ý kiến về việc chị H xin ly hôn, nuôi con nên Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Gia B và Nguyễn Đức T cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao Nguyễn Gia B, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001262 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**